TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2018
V/v ly hôn giữa bà Hoàng Thị T và ông Trần Văn P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Quỹ
Bà Nguyễn Thị Kim Anh
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thanh Hương – Thư ký Toà án

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định*** tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Thành – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 580/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1953, nơi cư trú: Số nhà A đường B, khu đô thị H, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn P, sinh năm 1945, nơi cư trú: Số nhà A đường B, khu đô thị H, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Bà T và ông P vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện ngày 26-12-2017, bản tự khai ngày 28-12-2017, nguyên đơn là bà Hoàng Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà và ông Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố N vào năm 1975. Do thời gian đã quá lâu, hiện bà không còn giữ giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông P đã phản bội bà. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay và không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng,

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn theo qui định của pháp luật.

- *Về nuôi con chung:* Vợ chồng ông bà có hai con chung là chị Trần Thị Mai L, sinh ngày 08-11-1975 và chị Trần Thị Q, sinh ngày 02-09-1977. Hai con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản chung*: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Hoàng Thị T đề nghị Tòa án xác minh mâu thuẫn vợ chồng. Bà có đơn đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố Nam Định đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn P nhưng ông P không đến Toà án làm việc. Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Tại biên bản xác minh thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện Tổ dân phố nơi bà T và ông P cư trú cung cấp:*

Do bà T không thường xuyên sống cùng ông P nên đại diện tổ dân phố không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P và bà T.

4. *Tại công văn số 08/PTP ngày 16-01-2018 Phòng tư pháp thành phố N cung cấp:* Do thời gian đã lâu, Phòng tư pháp thành phố N không còn lưu giữ tài liệu về việc đăng ký kết hôn của ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị T năm 1975.

5. *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn là ông P không đến Tòa án để giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng. Bà T và ông P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: Xử ly hôn giữa bà Hoàng Thị T và ông Trần Văn P. Về nuôi con chung và tài sản chung của vợ chồng: bà T không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là bà Hoàng Thị T và bị đơn là ông Trần Văn P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hoàng Thị T khai bà và ông Trần Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống từ năm 1975 và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định vào năm 1975. Do thời gian quá lâu bà T không còn lưu giữ giấy đăng ký kết hôn. Phòng Tư pháp thành phố Nam Định không còn lưu giữ tài liệu về việc đăng ký kết hôn của ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị T năm 1975.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, ông P không đến Tòa án để giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà T xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay và không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Điểm a Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc Hội qui định: "Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo qui định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000".

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P được xác lập năm 1975. Xét hôn nhân giữa bà T và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 89, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 giải quyết cho bà T và ông P ly hôn.

[3] *Về nuôi con chung*: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung của vợ chồng*: Bà Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Hoàng Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa bà Hoàng Thị T và ông Trần Văn P.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai số 0001103 ngày 27-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

3. Bà Hoàng Thị T và ông Trần Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mai Anh